

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-PT  
Ngày 12 -04 -2021  
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng  
đất và quyền về lối đi qua.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Tuấn Long

*Các thẩm phán:* Ông Cẩm Văn Thanh.

Bà Tòng Thị Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Anh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/02/2021, và các ngày 01,02, 03 tháng 3 năm 2021, ngày 12 tháng 4 năm 2014. Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc; Tranh chấp quyền sử dụng đất và quyền về lối đi qua. Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 05 tháng 08 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Đ. Nơi cư trú: Bản Kh (nay là bản K Tiên), xã TL, huyện PY, tỉnh Sơn La (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T, chị Hà Thị D. Nơi cư trú: Bản B, xã M C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Sở Giao thông vận tải tỉnh Sơn La, đại diện theo ủy quyền: Ông Tường Duy T, Hạt trưởng Hạt 1-37, Công ty Cổ phần quản lý sửa chữa và xây dựng công trình giao thông 2 Sơn La. Địa chỉ: Bản Ngã B, xã MC, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (vắng mặt).

- Ông Hoàng Văn K, bà Hà Thị R, nơi cư trú: Bản B, xã MC, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:*

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Đ.
- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, chị Hà Thị D.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo nội dung bản án sơ thẩm, trong nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm.

*Nguyên đơn bà Bùi Thị Đ trình bày:*

Vào năm 2013 bà có nhận chuyển nhượng của bà Hoàng Thị T một thửa đất tại bản B, xã MC, huyện Phù Yên. Sau khi mua được thửa đất bà đã làm thủ tục và đã được cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Thị Đ, số BT 452778, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phù Yên cấp ngày 04/9/2014 với tổng diện tích là 1.058m<sup>2</sup> (một nghìn, không trăm năm mươi tám mét vuông), trong đó có 212m<sup>2</sup> (hai trăm mười hai mét vuông) đất ở tại nông thôn với thời hạn sử dụng lâu dài và 846m<sup>2</sup> (tám trăm bốn mươi sáu mét vuông) đất trồng cây hàng năm khác với thời hạn sử dụng đến tháng 12/2020. Mảnh đất của bà có hiện trạng phía trước có chiều rộng 30m giáp suối và đường đi (Quốc lộ 37), phía sau giáp đất ông T và đồi, phía bên trái giáp đất bà T và đất ông Q, phía bên phải giáp đất nhà bà T. Tuy nhiên vào năm 2018 vợ chồng anh Hoàng Văn T, trú tại bản B, xã Mường Còi, huyện Phù Yên đến đồ đất và lấn chiếm toàn bộ phần đất phía trước tính từ mép suối bên ngoài phần giáp đường Quốc lộ 37 của bà, bà đã nhiều lần yêu cầu anh T không được trồng trọt và đồ đất phần đất hành lang giao thông phía trước mảnh đất của bà nhưng anh T không nhất trí.

Do có nhu cầu xây dựng nhà cửa, trồng trọt trên mảnh đất của mình nhưng mảnh đất của bà không có lối đi để ra đường Quốc lộ 37, chỉ có phía trước của mảnh đất đi qua con suối của bản giáp đất hành lang giao thông đường Quốc lộ 37, đến ngày 09 tháng 01 năm 2020 bà Đ có đơn đề nghị bổ sung yêu cầu được mở lối đi qua để bà có đường đi từ mảnh đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà đi ra đường Quốc lộ 37, tại phiên tòa bà yêu cầu được mở lối đi qua với chiều rộng là 15m (mười lăm mét) tính chiều rộng theo đường Quốc lộ 37. Qua quá trình giải quyết vụ án anh T đều không nhất trí yêu cầu của bà và có thái độ thách thức, xúc phạm, đe dọa bà. Bà không nhất trí thỏa thuận với anh T vì cho rằng phần đất trên là đất công cộng, không phải của vợ chồng anh T nên không nhất trí bồi thường.

Bà đã yêu cầu các cơ quan chức năng giải quyết nhưng không được, tại phiên tòa bà giữ nguyên yêu cầu của mình được quyền mở lối đi qua phần đất hành lang giao thông Quốc lộ 37 (phần đất hiện do anh T đang sử dụng) để có đường đi vào mảnh đất của mình với chiều rộng là 15m (mười lăm mét).

*Bị đơn Hoàng Văn T, chị Hà Thị D trình bày:*

Gia đình anh có một thửa đất nông nghiệp giáp đường Quốc lộ 37, trong đó phần lớn diện tích thuộc đất hành lang giao thông, phần còn lại chưa được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc phần đất này được bố mẹ anh khai phá, trồng trọt từ lâu và khi anh lập gia đình được bố mẹ giao cho để trồng trọt hoa màu, phần đất của vợ chồng anh tính từ mép ngoài con suối của bản B đi ra phía đường Quốc lộ 37, còn phần đất của bà Đ mua của bà Hoàng Thị T và sau khi mua đến năm 2014 bà Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất của bà Đ tính từ mép trong của con suối của bản B đi hướng vào chân đồi, hai bên là đất của người khác. Việc anh đổ đất là có thật nhưng anh chỉ đổ đất đối với phần đất của gia đình đã sử dụng từ trước đây để trồng trọt hoa màu đã sử dụng từ trước khi bà Đ mua đất ở bản B, anh không hề lấn chiếm hay sử dụng phần đất của bà Đ; đối với phần đất thuộc hành lang giao thông đường Quốc lộ 37 là đất do cơ quan Nhà nước quản lý, khi nào cơ quan chức năng có yêu cầu sử dụng vào các công trình phúc lợi hoặc các công trình khác thì anh sẽ hoàn trả lại cho Nhà nước. Anh có ý kiến nếu bà Đ muốn mở lối đi qua phần đất anh đang trồng trọt thì phải thỏa thuận với vợ chồng anh và chi trả số tiền thỏa đáng thì anh sẽ đồng ý cho bà Đ mở lối đi qua từ đất của bà Đ ra đường Quốc lộ 37 với chiều rộng là 02m (hai mét).

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn K và bà Hà Thị R trình bày:*

Diện tích đất hiện nay vợ chồng anh T đang trồng trọt, sử dụng là đất hành lang giao thông của Quốc lộ 37, mảnh đất này do bố mẹ ông K đã khai phá từ năm 1993 rồi cho ông K, sau này anh T lấy vợ thì ông bà K cho vợ chồng anh T trồng trọt, sử dụng, mảnh đất trên không có giấy tờ gì liên quan, nếu cơ quan chức năng Nhà nước sử dụng vào mục đích công ích gì thì gia đình hoàn trả lại cho Nhà nước.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sở Giao thông vận tải tỉnh Sơn La. Đại diện theo ủy quyền: ông Tường Duy T, Hạt trưởng Hạt 1-37, Công ty Cổ phần quản lý sửa chữa và xây dựng công trình giao thông 2 Sơn La trình bày:*

Đoạn đường thuộc khu vực bản B, xã Mường Cơi, huyện Phù Yên thuộc km 369 Quốc lộ 37, là đường cấp 4, có chiều rộng mặt đường 5,5m, bề rộng nền là 7,5m. Hành lang giao thông của đường tính từ tim đường là 14,5m, tính từ mép đường nhựa là 12,5m; trong khu vực hành lang giao thông các hộ dân không được xây dựng các công trình kiên cố hoặc trồng các loại cây lấy gỗ, cây ăn quả mà chỉ được phép trồng các loại cây ngắn ngày, hoa màu; Việc các hộ dân làm đường mở lối đi vào nhà vẫn được phép và phải chịu sự quản lý và hướng dẫn của pháp luật và bảo đảm an toàn giao thông; Đất hành lang giao thông là đất do Nhà nước quản lý và không thuộc sở hữu của cá nhân nào, nếu như tuyến đường được Nhà nước cải tạo hoặc sử dụng hành lang giao thông thì các hộ dân phải giải tỏa và không được đền bù và phải trả lại mặt bằng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, Quyết định:

Áp dụng Điều 26, Điều 35 và Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 157; khoản 2 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 245, 246, 248 và 254 Bộ luật Dân sự 2015.

Áp dụng điểm a khoản 1 điều 24; khoản 4 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Đ về tranh chấp quyền sử dụng đất.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Bùi Thị Đ về quyền về lối đi qua:

- Bà Bùi Thị Đ được quyền mở lối đi qua với chiều rộng là 05m (năm mét), tính từ mép ngoài con suối của bản B đi ra đường Quốc lộ 37; tính từ tim đường Quốc lộ 37 (tại km369 (H5369) + 498) bên phải tuyến QL37, hướng đi từ Mường Cơi đến Phù Yên) vuông góc vào mép suối gần nhất là 10,9m, được đóng dấu điểm mốc (cụ thể dấu điểm mốc là đóng cọc bằng sắt phi 8, được phun sơn màu đỏ), từ điểm cắm mốc đến cột mốc H5 369 là 02 m (hướng Mường Cơi đi Phù Yên), mép chiều rộng của lối đi tính từ mép bên trái của cột mốc H5 369 kéo dài 05 m (dọc theo hướng Phù Yên đi Mường Cơi).

- Bà Bùi Thị Đ phải làm cầu hoặc cống để đi qua con suối tiếp giáp từ phần đất của bà đến phần lối đi và không được xây dựng các công trình kiên cố hoặc trồng cây lâu năm trên phần diện tích đất mở lối đi qua làm ảnh hưởng đến hành lang giao thông.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/8/2020, nguyên đơn bà Bùi Thị Đ có đơn kháng cáo không nhất trí với một phần quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên nguyên đơn được mở lối đi với chiều rộng 15m.

Ngày 28/9/2020, bị đơn anh Hoàng Văn T, chị Hà Thị D có đơn kháng cáo không nhất trí với một phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc cho nguyên đơn được mở lối đi qua phần đất canh tác với chiều rộng 05m (năm mét), nếu nguyên đơn muốn mở lối đi thì phải bồi thường theo thỏa thuận với bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/02/2021 và ngày 12/4/2021, quan điểm của nguyên đơn: Giữ nguyên nội dung khởi kiện, nội dung kháng cáo, không nhất trí theo yêu cầu bồi thường của bị đơn.

Quan điểm của bị đơn: Tại phiên tòa ngày 26/02/2021 thay đổi nội dung kháng cáo, không nhất trí với việc mở lối đi qua của bà Bùi Thị Đ nếu bà Đ

được mở lối đi qua trên diện tích đất gia đình đang sử dụng yêu cầu nguyên đơn bồi thường tiền đồ đất công sức khai phá, tôn tạo đất là 12 triệu đồng (mười hai triệu đồng). Trong đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 8/4/2021 yêu cầu nguyên đơn bồi thường tiền đồ đất công sức khai phá, tôn tạo đất là 15 triệu đồng (mười lăm triệu đồng).

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/02/2021 và văn bản số 2618/VKS- P9 ngày 9/4/2021 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử vắng mặt Kiểm sát viên tại phiên xét xử ngày 12/4/2021 do không có Kiểm sát viên dự khuyết thay thế: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về quan hệ pháp luật.**

Nguyên đơn bà Bùi Thị Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Hoàng Văn T, chị Hà Thị D trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 9/1/2020 nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị được quyền về lối đi qua phần đất hiện do bị đơn đang chiếm hữu, sử dụng. Bị đơn anh Hoàng Văn T, chị Hà Thị D không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định không lấn chiếm đất của nguyên đơn bà Bùi Thị Đ, trường hợp nguyên đơn muốn mở lối đi thì phải bồi thường theo thỏa thuận với bị đơn. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp quyền sử dụng đất và quyền về lối đi qua là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 12/4/2021, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 2, 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Đối với yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất: Cấp sơ thẩm xác định phần diện tích đất bị đơn anh Hoàng Văn T, chị Hà Thị D không nằm trong diện tích đất nguyên đơn bà Bùi Thị Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có sự lấn chiếm và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn. Nguyên đơn bà Bùi Thị Đ cũng không kháng cáo nội dung trên. Do đó cấp phúc thẩm không xem xét đối với nội dung này.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện về quyền mở lối đi qua và kháng cáo của các đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện về quyền mở lối đi qua của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của bà Bùi Thị Đ về quyền về lối đi qua: Bà Bùi Thị Đ được quyền mở lối đi qua với chiều rộng là 05m (năm mét), tính từ mép ngoài con suối của bản B đi ra đường Quốc lộ 37; tính từ tim đường Quốc lộ 37 (tại km369 (H5369) + 498) bên phải tuyến QL37, hướng đi từ Mường Cơi đến Phù Yên) vuông góc vào mép suối gần nhất là 10,9m, được đóng dấu điểm mốc (cụ thể dấu điểm mốc là đóng cọc bằng sắt phi 8, được phun sơn màu đỏ), từ điểm cắm mốc đến cột mốc H5 369 là 02 m (hướng Mường Cơi đi Phù Yên), mép chiều rộng của lối đi tính từ mép bên trái của cột mốc H5 369 kéo dài 05 m dọc theo hướng Phù Yên đi Mường Cơi.

- Bà Bùi Thị Đ phải làm cầu hoặc cống để đi qua con suối tiếp giáp từ phần đất của bà đến phần lối đi và không được xây dựng các công trình kiên cố hoặc trồng cây lâu năm trên phần diện tích đất mở lối đi qua làm ảnh hưởng đến hành lang giao thông.

Hội đồng xét xử Phúc thẩm xét thấy; Việc mở lối đi qua là đảm bảo quyền đi lại, sinh hoạt của chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc được quy định tại Điều 254 BLDS năm 2015. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ thửa đất ( kèm theo biên bản đo đạc, xác minh diện tích đất ngày 18/4/2014 ) giữa bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Hoàng Thị T và bên chuyển nhượng quyền SDD bà Bùi Thị Đ. Thấy rằng diện tích đất nhận chuyển nhượng của bà Bùi Thị Đ bị bao vây bởi diện tích đất của các hộ dân khác là hộ bà T, ông T, ông Q và một mặt giáp suối. Mảnh đất của bà có hiện trạng phía trước có chiều rộng 30m giáp suối và đường đi (Quốc lộ 37), phía sau giáp đất ông T và đồi, phía bên trái giáp đất bà T và đất ông Q, phía bên phải giáp đất nhà bà T. Diện tích từ mặt giáp suối ra đường Quốc lộ 37 hiện do anh Hoàng Văn T, chị Hà Thị D chiếm hữu sử dụng có diện tích 417,2 m<sup>2</sup> chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trong 417,2 m<sup>2</sup> đất trên, có 389,1m<sup>2</sup> đất nằm trong hành lang an toàn giao thông, thuộc quyền quản lý của Nhà nước. Do đó, xác định anh T, chị D không có quyền sở hữu hợp pháp phần diện tích đất trên của anh T và chị D đang sử dụng, tiếp giáp với đất ông Q và bà T hiện không có lối đi từ đường giao thông vào tới đất của bà Bùi Thị Đ. Về diện tích đất tiếp giáp giữa ông Q và bà T thể hiện phía đông giáp đất của ông T có đường đất qua suối.

Căn cứ vào văn bản số 386/ UBND ngày 12/3/2021 của UBND huyện Phù Yên tỉnh Sơn La về việc cung cấp thông tin và trả lời Tòa án nhân tỉnh Sơn La như sau:

- Hiện nay trên địa bàn xã Mường Cơi, huyện Phù Yên chưa có quy hoạch hệ thống đường gom hay công trình công cộng tại khu vực bản B, xã Mường Cơi, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Hộ gia đình bà Bùi Thị Đ đã được UBND huyện Phù Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT452778 ngày 4/9/2014. Việc mở đường đầu nối với Quốc lộ thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Sở giao thông vận tải tỉnh Sơn La.

- Hộ gia đình bà Bùi Thị Đ đã được UBND huyện Phù Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT452778 ngày 4/9/2014 với diện tích đất ở 212m<sup>2</sup>, đất trồng cây 846m<sup>2</sup>. Tuy nhiên theo sơ đồ sử dụng đất của bà Bùi Thị Đ chưa có đường giao thông từ khu vực đất ra đường khu vực.

- Việc đi lại từ nhà ở và đất được cấp ra đường giao thông là nhu cầu chính đáng của người dân và gia đình bà Bùi Thị Đ phù hợp với quy định của pháp luật; từ khi được cấp đất đi ra đường giao thông công cộng nếu có khe suối thì việc xây dựng cầu cống bảo đảm đi lại là nhu cầu cần thiết và chính đáng. Tuy nhiên thiết kế kỹ thuật xây dựng phải bảo đảm an toàn cho cá nhân và thoát nước khu vực, lưu vực suối và phải được sự cho phép của cơ quan chức năng việc thiết kế công trình cầu, cống phải đảm bảo về kết cấu kỹ thuật theo các quy định về quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, phù hợp với thực tế không gây ảnh hưởng đến dòng chảy của suối và các công trình khác.

Tuy nhiên tại văn bản số 1403/SGTVT-KCHT ngày 02/6/2020 của Sở giao thông vận tải tỉnh Sơn La và văn bản số 719/SGTVT-KCHT ngày 10/3/2020 của Sở giao thông vận tải tỉnh Sơn La trả lời như sau:

- Theo khoản 1 Điều 26 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định. 1. “Đất dành cho đường bộ chỉ dành để xây dựng công trình đường bộ, sử dụng và khai thác để phục vụ cho mục đích an toàn giao thông vận tải đường bộ, trừ một số công trình thiết yếu không thể bố trí ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ”.

- Theo khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định. 2. “ Đường nhánh được nối vào quốc lộ phải thông qua điểm đầu nối thuộc Quy hoạch các điểm đầu nối đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, sau khi có văn bản thỏa thuận của Bộ Giao thông vận tải. Cơ quan quản lý nhà nước về đường bộ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông kê các đường đã đầu nối và lập kế hoạch xử lý phù hợp với quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt”.

Như vậy, theo quy định hiện hành về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thì các đường từ vào nhà ở không được đầu nối trực tiếp với quốc lộ mà phải thông qua hệ thống đường gom có điểm đầu nối thuộc quy hoạch có điểm đầu nối thuộc quy hoạch được Bộ GTVT thỏa thuận và UBND tỉnh Sơn La phê duyệt.

- Theo khoản 3 Điều 26 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định. 3. “Dự án khu đô thị, khu công nghiệp, khu

kinh tế, khu dân cư, khu thương mại dịch vụ và các công trình khác phải xây dựng theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và có hệ thống đường gom nằm ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ. Chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống đường gom, không được sử dụng đất dành cho đường bộ để làm công trình phụ trợ, đường đầu nối; trường hợp cần phải sử dụng đất dành cho đường bộ để làm đường đầu nối vào quốc lộ thì phải thực hiện đúng vị trí điểm đầu nối trong quy hoạch đầu nối của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã thỏa thuận với Bộ Giao thông vận tải theo quy định tại Điều 29 Nghị định này”. Quy hoạch các điểm đầu nối vào các tuyến Quốc lộ trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2020 đã được Bộ Giao thông vận tải thỏa thuận tại văn bản số 5877/BGTVT-KCHT ngày 19/7/2012; UBND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 2194/QĐ- UBND ngày 10/10/2012, trong đó có vị trí có trong quy hoạch liền kề phía trước và phía sau tại KM 368+ 708 ( *trường tiểu học Mường Cơi*) và KM 370+729 ( *Điểm văn hóa thôn Phúc Yên*). Do đó, theo quy hoạch về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các vị trí đầu nối mở mới không cho phép đầu nối trực tiếp vào quốc lộ mà phải thông qua đường gom, đường nhánh có vị trí đầu nối thuộc quy hoạch đã được phê duyệt.

Từ sự phân tích, căn cứ quy định của pháp luật và nhận định nêu trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Đ về quyền mở lối đi qua trên đất hành lang bảo vệ kết cấu an toàn giao thông đường bộ và điểm tiếp nối mở lối đi qua tiếp nối với quốc lộ 37 và cho phép bà Bùi Thị Đ xây dựng cầu qua suối bản B khi chưa được sự cho phép của cơ quan chức năng có thẩm quyền là không có căn cứ, chưa đúng quy định của pháp luật, không đúng với quy định tại Điều 254 BLDS năm 2015. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do vậy đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị Đ không được chấp nhận, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Hoàng Văn T chị Hà Thị D, sửa bản án của Tòa án cấp sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên cần xem xét lại phần án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm, bị đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 3 Điều 26, khoản 1, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban



Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị Đ, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Hoàng Văn T chị Hà Thị D, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 5 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La như sau:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Đ về việc mở lối đi qua phần đất hành lang giao thông Quốc lộ 37 đối với bị đơn anh Hoàng Văn T, chị Hà Thị D.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Bùi Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng và phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003775 ngày 05/9/2019 và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0000666 ngày 19/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Bị đơn anh Hoàng Văn T, chị Hà Thị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được hoàn lại số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0000675 ngày 28/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (12/4/2021).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên;
- Tòa án nhân dân huyện phù Yên;
- Chi cục THADS huyện Phù yên;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Tuấn Long**

